

Bản án số: 1133/2025/DS-ST

Ngày: 30-9-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Thị Kim Yến
- Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 409/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 401/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Hội sở: 89 đường L, phường Đ, Thành phố Hà Nội (Trước đây là: 89 đường L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D1, sinh năm 1968; Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 1120/2025/UQN-LCC ngày 04/8/2025): Ông Trần Trung N, sinh năm 1988 và/hoặc ông Nông Văn M, sinh năm 1990 và/hoặc ông Võ Thành L, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: 96 đường C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Bùi Nguyễn Nguyệt D, sinh năm 1991

Địa chỉ: 64/5 đường X, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là: 64/5 đường X, Phường Q, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 16/02/2025 của Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi là Ngân hàng) cùng trình bày của ông Nông Văn M là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thì: Ngày 25/10/2023, bà Bùi Nguyễn Nguyệt D (sau đây gọi là Bị đơn) có ký với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số LD2329800494 theo đó Ngân hàng cho Bị đơn vay 694.700.000đ; Thời hạn vay 60 tháng; Mục đích vay: Tiêu dùng. Ngày 21/10/2021, bà Dung có ký hợp đồng thế số 325-P-8030557 với Ngân hàng, hạn mức thế là 30.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng đã ký tạm tính đến ngày 16/02/2025 là 921.474.324đ, trong đó: Nợ gốc: 727.253.736đ; Nợ lãi: 191.220.589đ. Bị đơn tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, các thỏa thuận kể từ ngày 17/02/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập cho Bị đơn để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Bị đơn đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được.

Tại phiên tòa: Ông Nông Văn M là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng, Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện “tranh chấp hợp đồng tín dụng” với Bị đơn do Bị đơn cư trú tại quận Tân Bình (cũ) nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh) thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại

khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng – ông Nông Văn M có đơn xin vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M, Bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu Bị đơn phải trả 1.121.546.948đ. Xét thấy:

Căn cứ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 21/10/2021 của Bị đơn và Phần xác nhận chấp thuận của Ngân hàng ngày 21/10/2021 thì giữa Bị đơn và Ngân hàng đã giao kết hợp đồng vay tài sản.

Căn cứ Hợp đồng cho vay số LD2329800494 ngày 25/10/2023 giữa Ngân hàng và Bị đơn với một số nội dung chính như sau: Ngân hàng đồng ý cho Bị đơn vay 694.700.000đ; Thời hạn vay: Tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay cho khách hàng đến ngày 05/10/2028; Mục đích sử dụng vốn vay: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng

Theo bảng chiết tính của Ngân hàng thì đến ngày 30/9/2025 số nợ còn lại của Bị đơn là 1.121.546.948đ, trong đó:

Khoản nợ thẻ: 81.764.987đ, trong đó: Nợ gốc: 27.553.736đ; Nợ lãi: 54.211.251đ.

Khoản nợ từ hợp đồng cho vay: 1.039.781.961đ, trong đó: Nợ gốc: 694.700.000đ; Nợ lãi: 345.081.961đ.

Quá trình giải quyết vụ án Bị đơn không có ý kiến gửi cho Tòa án và không đến Tòa án để giải quyết việc kiện của Ngân hàng đối với Bị đơn nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của ông M là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc Bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc, lãi đến ngày 30/9/2025 là 1.121.546.948đ.

[5] Xét yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu Bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng hai bên

đã ký. Xét thấy: Yêu cầu này của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về thời hạn thanh toán: Tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay số nợ trên. Xét thấy: Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay khoản nợ trên là không trái quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc Bị đơn phải thanh toán nợ cho Ngân hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại Nguyên đơn 19.822.115đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Bị đơn phải chịu 45.646.408đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP V.

1.1 Buộc bà Bùi Nguyễn Nguyệt D có trách nhiệm trả ngay cho Ngân hàng TMCP V 1.121.546.948đ (Một tỷ một trăm hai mươi mốt triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm bốn mươi tám đồng) theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 21/10/2021 và Hợp đồng cho vay số LD2329800494 ngày 25/10/2023, bao gồm:

+ Khoản nợ thẻ: 81.764.987đ (Tám mươi một triệu bảy trăm sáu mươi bốn ngàn chín trăm tám mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc: 27.553.736đ; Nợ lãi: 54.211.251đ.

+ Khoản nợ từ Hợp đồng cho vay: 1.039.781.961đ (Một tỷ không trăm ba mươi chín triệu bảy trăm tám mươi một ngàn chín trăm sáu mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc: 694.700.000đ; Nợ lãi: 345.081.961đ.

1.2 Buộc bà Bùi Nguyễn Nguyệt D có trách nhiệm tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP V tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 21/10/2021 và Hợp đồng cho vay số LD2329800494 ngày 25/10/2023.

2/ Về án phí: Bà Bùi Nguyễn Nguyệt D phải chịu 45.646.408đ (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn bốn trăm linh tám đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP V 19.822.115đ (Mười chín triệu tám trăm hai mươi hai ngàn một trăm mười lăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003495 ngày 06/3/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3/ Thời hạn thi hành : Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4/ Địa điểm thi hành : Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6/ Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP V, bà Bùi Nguyễn Nguyệt D được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

7/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

-Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND khu vực 4 – Tp.HCM;
- Phòng THA Dân sự khu vực 4 – Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Mai Hương